

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG TÍNH TỪ ĐA NGHĨA TRONG TIỂU THUYẾT "CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH" CỦA L.TÔLXTÔI

USING OF THE POLYSEMOUS ADJECTIVES IN NOVEL "WAR AND PEACE" LEON TOLSTOY

DƯƠNG QUỐC CƯỜNG
(TS, ĐHNN, Đại học Đà Nẵng)

Abstract

One of the linguistic factors in greater awareness of the world is system of means of semantic representation of the polysemous adjectives. In "War and Peace", the use of the expressiveness in the polysemous adjectives is based on the possibility to represent this language unit: that is factor of the linguistic system of literature of the "time". In his novel "War and Peace" Leon Tolstoy enriches his scope of using the "speech act" of the polysemous adjectives of the language of Russian literature to describe people, things and phenomena. This allows literature to carry out not only information - receiving function, but also evaluative function of artistic image, which make emotions truer, more meaningful and clearer.

1. Đặt vấn đề

Các dạng lời nói với việc sử dụng hình tượng - thẩm mỹ và nhận biết cảm xúc nghệ thuật là vấn đề được xác định là đa diện. L. Tôlxtôi sử dụng cực kì đa dạng các phương tiện diễn đạt và thể hiện lời nói trong thực tế sáng tác của mình. Trong toàn bộ kho tàng dạng thức lời nói "thể hiện nghệ thuật bằng lời và mô tả đời sống thực tế" [1, 507] trong các tác phẩm của L.Tôlxtôi, ở khuôn khổ của bài báo, chúng tôi chỉ nghiên cứu vấn đề sử dụng các tính từ đa nghĩa trong tiểu thuyết "Chiến tranh và hoà bình", một tác phẩm chiếm vị trí trung tâm trong sáng tác của ông.

2. Nội dung

Đối với văn bản văn học, trong chừng mực có thể, vấn đề đa nghĩa gắn với sự cần thiết phải hiểu một nghĩa đơn lẻ đã được xác

định của từ trong ngữ cảnh. Việc lựa chọn được một phương án ngữ nghĩa từ vựng cụ thể là do "không chỉ bằng cấu trúc nghĩa của từ, mà còn bằng phương thức thể hiện tư duy của nhà văn, bằng sự liên hệ của người đọc và các quá trình ngữ nghĩa hoá của ngôn ngữ thông dụng"(3, 48). Quan trọng nhất trong số các quá trình như thế là quá trình phát triển phạm trù chất lượng trong tiếng Nga. Đến giữa thế kỉ XIX, thời kì mà đại văn hào L.Tôlxtôi sáng tác "Chiến tranh và hoà bình", quá trình đó đưa đến sự phát triển các ý nghĩa phụ chỉ phẩm chất ở một số lượng đáng kể tính từ quan hệ. Đại văn hào L.Tôlxtôi rất tài tình sử dụng một trong những phương tiện miêu tả - đó là sử dụng thuộc ngữ tính từ với nghĩa bóng chỉ phẩm chất trong nghĩa cơ bản của tính từ đó. Cách sử dụng như thế cho phép không chỉ thể hiện

ý nghĩa cơ bản của tính từ trong nhận biết của người đọc, mà còn “thiết lập được sự liên tưởng giữa sự vật được nêu đặc trưng bằng nghĩa bóng và sự vật mà tính từ đó biểu đạt bằng nghĩa cơ bản”(5, 40).

Có thể xem ví dụ minh họa sau đây: *“Несколько раз Ростов, завертываясь с головой, хотел заснуть; но опять чье-нибудь замечание развлекало его, опять начинался разговор, и опять раздавался беспричинный, весёлый, детский хохот”* [7, 65].

Tính từ *детский* ở đây được sử dụng với nghĩa bóng “*chưa phải người lớn, chưa chín chắn, như con nít*”(4, 145). Nghĩa này có được là do kết quả chuyển hoá nghĩa từ nghĩa cơ bản “*thuộc về trẻ con*”. Nghĩa bóng của tính từ *детский* bao hàm cả các nghĩa tố hàm ẩn tính biểu cảm “*эмоциональный*”, “*непосредственный*”, “*открытый*”.

Để dàng khẳng định rằng trong câu trên tiếng cười hô hô vui vẻ, vô cơ như trẻ con của bọn sĩ quan không gọi lên trong ý thức sự nhìn nhận trực tiếp về trẻ em; tuy nhiên sự nhìn nhận về trẻ con xuất hiện trong ý thức người đọc khi tri nhận sự mô tả nhân vật Pie ở chương 1: “*У него, когда приходила улыбка, то вдруг, мгновенно исчезало серьёзное и даже несколько угрюмое лицо и являлось другое-детское, доброе, даже глуповатое и как бы просящее прощения*” [6, 28]. Tính từ *детский* được sử dụng trong câu này giống như câu trên, với nghĩa bóng “*chưa phải người lớn, chưa chín chắn, như con nít*”, song nghĩa đó xuất hiện là do kết quả của ngữ nghĩa hoá logic trực quan từ nghĩa cơ bản “*thuộc về trẻ con*”. Tiếng cười như con nít của bọn sĩ quan làm nhớ tới tiếng cười của các cháu, nhưng tiếng cười này không hợp: bằng cách thức như thế ngôn ngữ xác định được sự tương đồng các cảm giác, nhưng không phải là những bản chất. Khi sử dụng tính từ *детский* để mô tả tính cách của

Pie nhà văn làm cho người đọc thấy được rất thực đứa trẻ trong con người Pie.

Còn có một khả năng nữa đó là hiện thực hoá của nghĩa bóng tính từ *детский* vào trong tình huống sử dụng nó với nghĩa đánh giá: “*Князь Андрей только пожал плечами на детские речи Пьера*” [6, 34]. Biến thể ngữ nghĩa từ vựng của tính từ này “*chưa chín chắn, còn non nớt*” là một vẻ trong thể đối lập của sự đối lập đánh giá “*chín chắn - chưa chín chắn*”. Sự đối lập này tạo ra một trong những thang độ đánh giá con người về tâm lí - xã hội. Ngữ cảnh hiện thực hoá nghĩa tố “*chưa biết, chưa thành thực*” trong ý nghĩa chỉ phẩm chất của tính từ: “*Князь Андрей только пожал плечами...*”. Nghĩa bóng vừa xem xét của tính từ *детский* là “*chưa phải người lớn, chưa chín chắn*” có khả năng có thêm tính chất “phụ gia”: với sự hỗ trợ của tính chất này việc tự đánh giá thấp của nhân vật có thể được mô tả trong tình huống có “vấn đề” và những cảm xúc tiêu cực gắn liền với tình huống đó, ví dụ: “*И, оглянув комнату, он обратился к Ростову, которого положение детского непреодолимого конфуза, переходящего в озлобление, он и не удостоивал заметить*” [6, 310].

Các mối liên tưởng giữa nghĩa cơ bản và nghĩa bóng của tính từ có thể dùng làm phương tiện tạo dựng tính biểu cảm hình tượng. Tất cả các biến thể ngữ nghĩa từ vựng đưa vào hệ thống ý nghĩa của tính từ, đồng thời vừa “gắn kết với nghĩa cụ thể được lĩnh hội trong ngữ cảnh lời nói, với các liên kết theo trục dọc, nó hiện diện vô hình trong nhận thức của người đọc, và đó là cội nguồn của mức độ căng dẫn hình tượng và sự đa diện nội tại của phát ngôn”(8, 5).

Tương tự như vậy, tính từ *бешеный* có ba nghĩa: nghĩa thứ nhất: *bị bệnh điên*; nghĩa thứ hai: *phát khùng, phản nộ*; nghĩa thứ ba: *quá sức, quá căng thẳng*(4, 45 – 46).

Trong câu sau đây tính từ *бешеный* được sử dụng với nghĩa thứ 2: “*Да, рассказов! –*

громко заговорил Ростов, вдруг сделавшимися бешеными глазами глядя то на Бориса, то на Болконского..." [6, 310].

Việc sử dụng biến thể ngữ nghĩa từ vựng này được đa dạng hoá thêm bằng hoán dụ: *một phần – toàn bộ*: *бешеный человек – бешеные глаза* ("một bộ phận" của con người"), *бешеный* (nghĩa thứ hai) *взгляд*, biểu hiện khởi nguồn nội tâm mạnh mẽ vừa là phương tiện ảnh hưởng tích cực đến người khác, thì liên tưởng gần với *бешеным ураганом* (nghĩa thứ ba) (cơn bão tố), *бешеным ветром* (trận cuồng phong) - gần với hiện tượng thiên nhiên. Như thế thì trong ý thức người đọc xuất hiện một liên kết nghĩa giữa thể giới nội tâm con người và sức mạnh thiên nhiên, điều đó cho phép nhà văn mô tả trạng thái cảm xúc của nhân vật một cách rõ ràng và chính xác.

Trong hàng loạt các trường hợp "liên kết ngữ nghĩa giữa nghĩa phái sinh và nghĩa cơ bản của tính từ có trong tri nhận sự liên tưởng không phải giữa các sự vật mà giữa các dạng thức nghĩa hóa"(2, 99).

Dạng thức nghĩa hóa cố định ngay bên trong đoạn trích có trường độ khác nhau như: *"Пассаж оборвался на середине, послышался крик, тяжёлые ступни княжны Марьи и звуки поцелуев"* [6, 126]. Tính từ *тяжёлый* trong ngữ cảnh trên có nghĩa *"nặng nề, không thanh thoát"*, nghĩa này có được do kết quả của sự chuyển hóa nghĩa từ nghĩa cơ bản *"trọng lượng nặng"*. Nghĩa bóng trên đây có tính đặc trưng bởi mức độ trừu tượng nhất định, ví dụ: *тяжёлый ум, тяжёлый слог*(4, 728). Nghĩa bóng trong ngữ cảnh này thuộc dạng thức âm thanh (nghe được). Còn trong ví dụ *"имеющий большой вес"* thì biến thể ngữ nghĩa từ vựng lại có thể thấy được. Sự liên tưởng giữa dạng thức âm thanh và dạng thức vật thể như kết quả liên kết ngữ nghĩa của nghĩa cơ bản và nghĩa bóng của tính từ, là phương tiện tạo ra nét hình tượng rất đặc

trung: âm thanh của những bước đi nặng nề gợi lên trong đầu người đọc sự cảm nhận nặng nề về lí học, và nó đem lại cho ngữ nghĩa của câu tính tường minh và tính nổi trội.

Các mối liên tưởng giữa các dạng thức xuất hiện trong quá trình nhận biết tính từ *холодный* trong câu: *"Он схватил его за руку своею костлявою маленькою кистью, потряс её, взглянул прямо в лицо сына своими быстрыми глазами, которые, как казалось, насквозь видели человека, и опять засмеялся холодным смехом"* [6, 142]. Nghĩa cơ bản của tính từ này là *"lạnh, rét, lạnh lẽo"* hiện diện mang tính liên tưởng trong câu trên gián tiếp thể hiện với nghĩa bóng, dạng thức *nghe – thấy* (*thấy* bởi vì nét mặt có vai trò nhất định trong nhận biết *chất của tiếng cười*) với nghĩa *"thờ ơ, hờ hững"* (4, 770 – 771) giao thoa ngữ nghĩa với nghĩa bóng *"phẩm định"*. Nghĩa bóng này có thể được thể hiện dưới dạng thức không những nghe được mà còn nhìn thấy được (*холодный взгляд* – cái nhìn lạnh lùng), đánh giá (*холодный прием* – sự tiếp đón lạnh nhạt), và các dạng thức khác.

Tuy nhiên trong ngữ cảnh rộng lớn hơn của toàn cảnh công tước Andrây chia tay người cha trong nghĩa của tính từ *холодный* còn hàm chứa một cấp độ nữa. Đáng lẽ ra *равнодушный, бесстрастный* – tiếng cười hờ hững - thuộc về con người lạnh lùng hoặc là biểu hiện những tình cảm lạnh lùng. Song Nicôlai Bônkônxki yêu quý và hiểu đứa con trai của mình: sự lạnh lùng của nó do tính hà khắc của nó tạo ra. Ví dụ: *"Только что князь Андрей вышел, дверь кабинета быстро отворилась и выглянула строгая фигура старика в белом халате"* [6, 144], nhưng không thờ ơ hoặc không thiện cảm. Cho nên hợp nhẽ nhất tính từ *холодный* trong ví dụ trên nghĩa phải được xác định là *"có vẻ như thờ ơ, nhạt nhẽo"*.

Mối liên kết ngữ nghĩa giữa nghĩa cơ bản và nghĩa bóng của tính từ còn có thể gợi lên trong nhận thức người đọc những liên tưởng giữa thế giới con người và thế giới thiên nhiên. Ví dụ như tính từ *светлый* có nghĩa cơ bản “sáng, có ánh sáng” (4, 625) và trong nghĩa bóng thì gần hơn về mặt ngữ nghĩa đối với nghĩa cơ bản “sáng sủa” biểu thị thuộc tính lí học của sự vật và hiện tượng. Sự phát triển các phương án ngữ nghĩa của từ này dẫn đến sự xuất hiện các ý nghĩa biểu hiện trạng thái cảm xúc của con người “*sung sướng, khoái chí*”, đánh giá những trí năng của anh ta “*sáng dạ, tinh thông*”. Việc tạo ra những nghĩa này có thể là nhờ sự liên tưởng ánh sáng với bản chất đối lập và những trạng thái con người.

Văn bản văn học cho phép thực hiện liên kết ngữ nghĩa giữa nghĩa cơ bản và nghĩa bóng của tính từ *светлый*: “*Кто говорил с ней и видел при каждом слове её светлую улыбочку и блестящие белые зубы, которые виднелись беспрестанно, тот думал, что он особенно нынче любезен*” [6, 12]. Trong nụ cười của công tước phu nhân dễ thương hàm chứa hai bình diện ngữ nghĩa: *светлая улыбочка* – nụ cười rạng rỡ là sự minh chứng trạng thái cảm xúc vui sướng và đồng thời nét đặc trưng này trong ngữ cảnh tạo ra nguyên nhân bên trong của nghĩa bóng – khuôn mặt đang mỉm cười của công tước phu nhân dễ thương dường như ngời sáng từ trong ra. Có thể so sánh hình ảnh đó của nụ cười tỏa sáng từ cơ thể cô Elen trong câu sau:

“У неё все освещалось
жизнерадостною, самодовольною,
молодую неизменно улыбкой и
необычайною античною красотою тела” [6, 17-18].

3. Kết luận

Phát triển phạm trù phẩm chất trong tiếng Nga cũng như tính từ quan hệ tạo được nghĩa chỉ phẩm chất làm đa dạng và phong phú phạm vi biểu hiện sự đánh giá phẩm

chất thế giới bên trong và thế giới bên ngoài của tiếng Nga. Một trong những yếu tố nhận thức ngôn ngữ sâu hơn về thế giới đó là hệ thống các biến thể biểu hiện ngữ nghĩa của tính từ đa nghĩa. Liên kết ngữ nghĩa các thành phần của hệ thống đó cho phép nhận dạng trong quá trình nghiên cứu chuyên sâu, còn trong văn bản văn học – trực tiếp cảm nhận được hình tượng bên trong hòa tan vào trong nghĩa bóng.

Trong tác phẩm “Chiến tranh và hòa bình” việc sử dụng tính chất biểu cảm của tính từ đa nghĩa là dựa vào những khả năng biểu hiện những đơn vị ngôn ngữ này, đó là những thành tố của hệ thống ngôn ngữ văn học của thời đại. Bên cạnh đó với ảnh hưởng tiếng tăm lẫy lừng của cuốn tiểu thuyết “Chiến tranh và hòa bình” của L.Tôlxtoi đã diễn ra việc mở rộng phạm vi sử dụng các chức năng lời nói những tính từ đa nghĩa trong ngôn ngữ văn học Nga. Việc sử dụng tính từ đa nghĩa với các nghĩa chỉ phẩm chất để mô tả con người, sự vật, hiện tượng cho phép thực hiện trong văn bản văn học không chỉ chức năng tiếp nhận thông tin mà còn cả chức năng đánh giá hình tượng nghệ thuật, nó làm cho những cảm xúc thật hơn, có ý nghĩa hơn. Nghiên cứu tính từ đa nghĩa sử dụng trong tác phẩm “Chiến tranh và hòa bình” đã giúp thấy được chiều rộng và tính tổng hợp các khả năng nghệ thuật của chúng và giúp hiểu rõ hơn vai trò các thành tố ngôn ngữ trong việc tạo dựng cấu trúc tư duy đa chiều của tác phẩm văn học, thấu hiểu khả năng nhận thức thế giới của nhà văn được biểu thị bằng sự tác động đa diện của tư duy và các phương tiện biểu hiện nghệ thuật.

Tài liệu tham khảo

1. Виноградов В. В. (1959), *О языке художественной литературы*, М.
2. Еремина Л. И. (1977), *Поэтика психологически мотивированного слова* (на

материале произведений Л. Толстого// Вопросы языкознания, №5. (с 97-109).

3. Земская Е. А.(1962), *Об основных процессах словообразования прилагательных в русском литературном языке XIX в.* // Вопросы языкознания, №2. (с 46-55).

4. Ожегов С. И.(1983), *Словарь русского языка*, 14-е изд., М., “Русский язык”.

5. Рузин И. Г. (1996), *Возможности и пределы концептуального объяснения языковых фактов*// Вопросы языкознания, №5. (с 39-50).

6. Толстой Л. Н. (1953), *Война и мир*, Т. 1-2, М. Государственное издательство художественной литературы.

7. Толстой Л. Н. (1953), *Война и мир*, Т. 3-4, М. Государственное издательство художественной литературы.

8. Хенигсвальд Г. М.(1996) *Полисемия: взгляд историка*// Вопросы языкознания, №5. (с 3-6).

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-03-2012)

HỢP THƯ

Trong tháng 6/2012, **NN&ĐS** đã nhận được thư, bài của các bạn: Ngô Thuý Lan, Đỗ Tiến Thắng, Hoàng Kim Ngọc, Nguyễn Thuý Phương Lan, Trần Tiến Khôi, Trần Trí Dối (Hà Nội); Nguyễn Thị Mến (Vĩnh Phúc); Phạm Thuận Thành (Bắc Ninh); Trần Trung Huy (Hải Dương); Lưu Quý Khương, Hồ Thị Kiều Oanh (Đà Nẵng); Nguyễn Lai (Nha Trang); Lý Tùng Hiếu (Tp HCM); Trần Minh Thương (Sóc Trăng); Nguyễn Văn Tiễn (Bạc Liêu); Bùi Mạnh Hùng (Hàn Quốc); Trần Kế Hoa (Trung Quốc).

Toà soạn **NN & ĐS** xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS

MỘT CÁCH TIẾP CẬN MỚI...

(tiếp theo trang 33)

được hết trong một khoảng thời gian ngắn, nhất là khi “bị trừu tượng hóa” khỏi ngữ cảnh sử dụng và không hẳn là những tri thức mà các em thực sự cần. Nhiều khái niệm ngôn ngữ học lí thuyết được đưa vào chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông mà tính hữu dụng của nó rất đáng ngờ như: hành động nói, các kiểu hành động nói, lượt lời, nghĩa tình thái, cấp độ khái quát nghĩa của từ ngữ, v.v.. Việc đưa những nội dung ngôn ngữ học này vào chương trình làm cho việc dạy học Ngữ văn đi chệch khá xa định hướng của môn học này, làm cho giờ dạy học Ngữ văn thêm hàn lâm, không thiết thực và buồn tẻ. Cả giáo viên và học sinh đều không hiểu vì sao phải dạy và học những kiến thức đó. Học sinh phải nhớ rất nhiều để chuẩn bị cho các kì thi và ngay sau đó tất cả những thứ cần nhớ này gần như bị xóa sạch khỏi kí ức của các em. Dạy học tiếng Việt nói chung và ngữ pháp tiếng Việt nói riêng vẫn nhằm mục đích tự thân, bảo đảm tính “khoa học và hiện đại” của những tri thức ngôn ngữ học, chứ không chú ý đến việc trang bị cho người học công cụ để rèn luyện kĩ năng viết và đọc vốn là mục đích chính của việc dạy học tiếng mẹ đẻ ở trường phổ thông và đó cũng là lí do mà Tiếng Việt trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của môn Ngữ văn và môn Ngữ văn được coi là cốt lõi trong chương trình phổ thông của Việt Nam cũng như mọi quốc gia.

Bên cạnh đó, các quy tắc ngữ pháp trong sách giáo khoa nhiều khi khá xa lạ với thực tế tiếng Việt, kết quả của việc miêu tả tiếng Việt theo tinh thần “đi Âu vi trung” (Cao Xuân Hạo 1991, 1998, 2003). Nhiều tri thức về tiếng Việt được dạy học trong nhà trường gây bối rối cho cả người dạy và người học. Tình trạng này khá giống với xu hướng dùng ngữ pháp điển chế (prescriptive grammar) áp đặt những quy tắc ngữ pháp tiếng La Tinh để dạy tiếng Anh cho người nói tiếng Anh trong những thế kỉ trước, đó thường là những quy tắc không ăn nhập gì với thực tiễn giao tiếp của người bản ngữ.

(còn nữa)

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-05-2012)